TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KR
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày: 17- 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KR TỈNH KON TUM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Du.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Chiến
2. Ông Trần Đình Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Hải .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KR tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện KR tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2018/TLST-HS ngày 09/02/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/QĐXXST - HS ngày 23 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐHPT-ST ngày 06/4/2018 đối với bị cáo:

A H; tên gọi khác: không; sinh ngày 25 tháng 5 năm 1995, tại huyện KR, tỉnh Kon Tum; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Thôn 8, xã Đ, huyện KR, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở: Không ổn định; Nghề nghiệp: không nhất định; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Ba Na; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông A K và bà Y P(Đã chết).

Tiền án: Ngày 07/01/2014 bị Tòa án nhân dân huyện KR, tỉnh KonTum xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 17/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện KR, tỉnh KonTum xử phạt 20 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; đến ngày 22/6/2016 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/11/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh A Đ, sinh năm: 1993.
Trú tại: Thôn 02, xã ĐP, huyện KR, tỉnh Kon Tum.

- Những người làm chứng: Anh Lê Sỹ V, sinh năm: 1993 và Đinh Văn R.
Cùng trú tại: Thôn 02, xã ĐP, huyện KR, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 17 giờ ngày 18/9/2017, A Đ đang ngồi chơi tại quán sửa xe mô tô của Lê Sỹ V tại thôn 2 xã ĐP, huyện KR thì A H đi xe mô tô nhãn

hiệu SIRIUS đến hỏi A Đ: " Đa cho tao mượn mượn xe mày đi thử một vòng", A Đ không nói gì, vì nghĩ A H chỉ mượn đi quanh khu vực xã ĐP. A H đi đến chỗ để chiếc xe mô tô BKS 82K1-015.91 của A Đ có sẵn chìa khóa và điều khiển xe đi. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày A H gặp Đinh Văn R tại thôn 1 xã ĐP huyện KR, R hỏi A H chiếc xe mô tô SIRIUS A mượn của R để ở đâu, A H nói với R đang để ở quán sửa xe của anh Lê Sỹ V. Sau đó, A H không đem xe mô tô BKS 82K1- 015.91 trả cho A Đ mà đi đến xã Ng W huyện ĐH tỉnh KonTum và không liên lạc gì với A Đ. Ngày 20/9/2017 A Đa đến công an xã ĐP huyện KR trình báo sự việc. Đến ngày 27/11/2017 cơ quan công an huyện KR phát hiện A H cùng chiếc xe mô tô BKS 82K1- 015.91 đang ở xã NW huyện ĐH tỉnh KonTum, sau đó đưa A H cùng chiếc xe mô tô BKS 82K1- 015.91 về trụ sở công an huyện KR làm việc.

Kết luận định giá tài sản số 13/HĐ ĐG ngày 29/11/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của huyện KR kết luận chiếc xe mô tô BKS 82K1-015.91 của A Đ có giá trị là 26.600.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*, bị cáo có hai tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xoá án tích, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 140; điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999 đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 24 đến 36 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận về bồi thường giữa bị cáo và A Đ.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng là đúng. Chiều ngày 18/9/2017 bị cáo mượn xe SIRIUS của anh Ràm tới quán sửa xe của anh Việt ở thôn 2 xã ĐP chơi thì thấy xe của A Đ đẹp hơn, nên lúc đầu bị cáo chỉ mượn để đi thử vòng quanh trong xã ĐP. Sau khi đi quanh xã ĐP khoảng 2 giờ, thì bị cáo nẩy sinh ý định chiếm đoạt vì bị cáo không có phương tiện để đi và ngay trong đêm 18/9/2017 bị cáo điều khiển chiếc xe của A Đ đến xã N W huyện Đ H, từ đó cho đến ngày bị bắt giữ 27/11/2018 bị cáo không liên lạc báo cho A Đ hay người nào biết. Bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là đúng, bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- A Đ trình bày: Chiều ngày 27/9/2017 tôi đang ngồi chơi tại quán sửa xe của anh Lê Sỹ V tại thôn 2 xã ĐP thì A H ở đâu đi chiếc xe SIRIUS tới, nhìn thấy chiếc xe của tôi A H nói: Đ cho tao mượn xe mày dạo thử vòng. Do tôi có quen biết với A H, nên khi H hỏi tôi không phản đối gì. Sau đó A H lấy xe của tôi và đi, tôi ngồi ở quán chờ mãi không thấy H đem trả xe, nên tôi đi về nhà, nghĩ là H sẽ mang về nhà trả xe cho tôi. Nhưng hai hôm sau cũng không thấy H trả xe, điện thoại cũng không liên lạc được, tôi đi tìm những nơi H hay qua lại, hỏi thăm những người quen với H cũng không ai biết H đi đâu, nên tôi đã trình báo với công an xã Đ P để tìm kiếm A H trả lại xe cho tôi. Đến ngày 27/11/2017 thì tôi nhận được tin công an báo bắt được A H cùng với chiếc xe của tôi. Tôi đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 82K1- 015.91 và yêu cầu bị cáo bồi thường tiền sửa xe là 2.500.000 đồng. Tôi đồng ý với bản cáo trạng và bản luận tội bị cáo mà VKS công bố tại phiên tòa và không có tranh luận gì.

Người làm chứng:

- Lê Sỹ V công nhận vào chiều hôm 18/9/2017 thì A Đ có đi xe mô tô BKS 82K1- 015.91 đến quán sửa xe của tôi chơi, một lúc sau thì A H có đi một chiếc xe mô tô đến và nói với A Đ là cho mượn xe đi thử. A Đ chờ mãi không thấy A H quay lại trả xe thì đi về nhà, còn chiếc xe do A H đi để ở quán thì Đinh Văn R tới lấy đi, còn sau đó thế nào anh V không biết.

- Anh Đinh Văn R công nhận có cho A H mượn xe máy vào chiều 18/9/2017, đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì thấy A H đi chiếc xe máy khác ở trong đường xã Đ P, A H để chiếc xe của tôi ở quán của anh S và nói tôi lại đó lấy. Ngoài ra A H không nói gì về chiếc xe lúc đó H đang đi. Sau đó tôi đến quán anh S lấy xe về. Ngoài ra không biết gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đồng ý bồi thường cho anh A Đ 2.500.000 đồng, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, tranh tụng, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện KR, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện KR, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo A H được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ: Đơn trình báo và lời khai của bị hại, biên bản thu giữ và trao trả tài sản, biên bản và kết luận định giá tài sản, lời khai của người làm chứng, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại Viện kiểm sát và được thẩm tra, tranh tụng, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà cùng các tài liệu khác trong hồ sơ đã có đủ cơ sở để khẳng định: Chiều ngày 18/9/2017 tại quán sửa xe của anh Lê Sỹ V ở thôn 2 xã ĐP huyện K R, lợi dụng sự quen biết bạn bè với A Đ, nên lúc đầu bị cáo A H chỉ mượn xe BKS 82K1-015.91 của A Đ để đi thử trong địa bàn xã ĐP, cũng vì quen biết với bị cáo nên A Đ đồng ý cho bị cáo lấy xe của mình đi và tin tưởng là bị cáo chỉ đi thử rồi trả lại. Khi có được chiếc xe của A Đ bị cáo đã đi chơi trong xã ĐPgần 2 giờ, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của A Đ. Hành vi chiếm đoạt thể hiện là ngay trong đêm 18/9/2017 bị cáo đã điều khiển chiếc xe của A Đ đến xã N W huyện ĐH tỉnh KonTum, cách xa xã ĐP huyện KR tỉnh KonTum. Từ đêm 18/9/2017 đến ngày bị bắt 27/11/2017 bị cáo ở tại xã N W để đi làm thuê và không có liên lạc gì với A Đ hay người nào khác để báo lại cho A Đ biết việc bị cáo lấy xe đi, với khoảng thời gian này bị cáo có đủ điều kiện để báo cho A Đ biết, nhưng bị cáo không thực hiện thể hiện rõ ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của A Đ làm phương tiện đi lại cá nhân. Chiếc xe mô tô có Biển kiểm soát 82K1- 015.91 có trị giá là 26.600.000 đồng, chiếc

xe này là tài sản hợp pháp của A Đ. Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 140 của Bộ luật hình sự 1999.

[3] Bản án số 02/2015/HSST ngày 17/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện KR, tỉnh KonTum xử phạt bị cáo A H 20 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" thuộc trường hợp Tái phạm, A H đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích, lại phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp Tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung tăng nặng, được quy định tại điểm đ khoản 2 điều 140 tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" của Bộ luật hình sự 1999. Như vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo và bản luận tội tại phiên tòa hôm nay của Viện kiểm sát nhân dân huyện KR đối với bị cáo A H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm đ khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh, xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm p khoản 1 Điều 46 của bộ luật hình sự 1999.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có 02 tiền án và chưa được xóa án tích lại phạm tội mới, thể hiện sự coi thường pháp luật.

Xét tính chất mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo. HĐXX quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe mô tô BKS 82K1-015.19 cho A Đ là chủ sở hữu hợp pháp đúng quy định.

Về trách nhiệm dân sự: A Đ đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 82K1- 015.19 và yêu cầu bị cáo bồi thường tiền sửa xe là 2.500.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho A Đ, vì do lỗi của bị cáo đi xe bị ngã làm hư hỏng. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của bị cáo và A Đ tại phiên tòa, phù hợp với Điều 42 Bộ luật hình sự 1999,các Điều 584,585,586,589 của Bộ luật dân sự. nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận này, bị cáo bồi thường cho A Đ 2.500.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo A H phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo A H phạm tội: "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"

- Áp dụng*:* Điểm đ khoản 2 Điều 140; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo A H 30 (Ba mươi) tháng tù.Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam(28/11/2017).

* *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự 1999; các Điều 584,585,586,589 của Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận về bồi thường giữa bị cáo và anh A Đ. Bị cáo phải bồi thường cho anh A Đ 2.500.000 đồng(Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự, khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bị cáo A H không bồi thường số tiền nêu trên và anh A Đ có đơn yêu cầu thi hành án, thì A Hcòn phải chịu tiền lãi suất phát sinh do chậm trả, mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

* *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1,3 Điều 21; các điểm a,c,f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Toà án: Bị cáo A H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Tổng cộng bị cáo phải nộp: 500.000đồng *(Năm trăm nghìn*) án phí.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (17/4/2018)./.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND CC Tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND huyện KR;
- CA huyện K R;
- Chi cụcTHADS huyện KR.
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ VA.

Phạm Trường Du

.